

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 51/2021/QĐST - HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bố Trạch, ngày 28 tháng 4 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 20 tháng 4 năm 2021, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 20 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Phương T và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về con chung:* Vợ chồng chị T, anh C có 01 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 10/01/2019. Sau ly hôn hai đương sự thống nhất giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh C đóng góp phí tồn nuôi con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* *Về tài sản chung, nợ chung*: Hai đương sự thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về án phí*: Chị Trần Thị Phương T thỏa thuận chịu 150.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000602 ngày 25/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch. Chị T được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAQB;
  - VKSND huyện Bồ Trạch (2 bản);
  - Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
  - Hai đương sự (2 bản);
  - UBND xã Đ
- (Số 64/27 – 11 - 2018);
- Lưu HSVA;
  - Lưu AV.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Phú Quảng**